TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NHƠN TRẠCH** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2025/HNGĐ-ST.
Ngày: 17/4/2025.
V/v: *"Tranh chấp Ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHƠN TRẠCH TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Trung.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thanh Phương và ông Hoài Đức Huệ

- Thư ký ghi biên bản phiên toà: Ông Nguyễn Ngọc Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Vũ Đình Tứ – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 429/2024/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2024 về việc "Tranh chấp Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 34/2025/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Võ Thị R, sinh năm: 1992; địa chỉ: Tổ G, Ấp E, xã L, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Quốc C, sinh năm: 1980; địa chỉ: Tổ G, Ấp E, xã L, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

(các đương sự vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, chị Võ Thị R trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị R và anh C tự nguyện yêu thương nhau và chung sống có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện N, tỉnh Đồng Nai và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 05 tháng 4 năm 2011.

Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, kéo dài và không thể hàn gắn được. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung, tình cảm vơ chồng không còn, chung sống không có hạnh phúc. Mâu thuẫn vợ chồng bản thân chị R và anh C đã tự hòa giải để chung sống lo cho con cái nhưng không có kết quả. Hiện tại chị R và anh C đã sống ly thân, độc lập về kinh tế, mỗi người có một cuộc sống riêng. Chị R xác định giữa chị R và anh C

không còn khả năng đoàn tụ. Vì vậy chị R yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị R được ly hôn với anh C.

Về con chung: Chị R và anh C chung sống không có con chung.

Về tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì bận công việc gia đình, làm ăn nên chị R xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn anh Nguyễn Quốc C không đến Tòa án cung cấp chứng cứ và tham gia tố tụng giải quyết vụ án.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thủ tục hòa giải, thời hạn chuẩn bị xét xử, quyết định xét xử, thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, cấp, tống đạt các văn bản tố tụng; việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng được Tòa án thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đơn khởi kiện xin ly hôn của chị R là có cơ sở chấp nhận nên đề nghị cho chị R được ly hôn với anh C. Về con chung, về tài sản chung, nợ chung đương sự trình bày không có nên đề nghị không đặt ra xem xét.

Về án phí: Chị R phải nộp án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Chị Võ Thị R nộp đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Quốc C, sinh năm: 1980; địa chỉ: Tổ G, Ấp E, xã L, huyện N, tỉnh Đồng Nai nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì quan hệ tranh chấp của vụ án là "Tranh chấp ly hôn" và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

[2] Về yêu cầu khởi kiện:

2.1 Về quan hệ hôn nhân:

Chị R và anh C tự nguyện yêu thương nhau và chung sống có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện N, tỉnh Đồng Nai nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét trình bày của chị R nhận thấy: Chị R yêu cầu được ly hôn với anh C và thực tế chị R và anh C đã ly thân, mỗi người sống một nơi, đồng thời Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh C để làm việc, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh C vắng mặt thể hiện việc anh C không có thiện chí hòa giải đoàn tụ. Từ những căn cứ trên, xét mâu thuẫn giữa chị R và anh C là trầm trọng, đời sống chung không thể

kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị R yêu cầu ly hôn với anh C là có cơ sở, phù hợp quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

2.2 Về con chung: Chị R và anh C chung sống không có con chung.

2.3 Về tài sản chung, nợ chung: Chị R trình bày về tài sản chung và nợ chung không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3] Về án phí: Chị R phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 266, Điều 228, Điều 271, Điều 273, Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Áp dụng: Điều 9, Điều 11 Luật Hôn nhân gia đình năm 2000; Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị R về việc *"Tranh chấp ly hôn"* với anh Nguyễn Quốc C.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Võ Thị R được ly hôn với anh Nguyễn Quốc C.

2. Về con chung: Không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Võ Thị R phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình, nhưng được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0022083 ngày 21 tháng 10 năm 2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Nhơn Trạch. Chị Trương Thị K đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- VKSND huyện Nhơn Trạch;
- THADS huyện Nhơn Trạch;
- UBND xã Long Thọ, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Tiến Trung

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán**

Chủ tọa phiên tòa